

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2024/HS-ST
Ngày: 15/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Bà Phạm Thị Kim Lan

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm; Bà Nguyễn Thị Ngọc H – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2024/TLST-HS ngày 11/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HS ngày 16/10/2024 đối với bị cáo:

Trần Duy K, sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số A, ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: mua bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Kim H1 sinh năm: 1959; họ tên cha không rõ; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 13/01/2017 bị Toà án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án Hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST chấp hành xong bản án ngày 09/3/2017); ngày 16/7/2024 bị Toà án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án Hình sự sơ thẩm số 135/2024/HS-ST).

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam M, tỉnh Tiền Giang từ ngày 19/12/2023 (ngày tạm giam), có mặt.

- Bị hại: Lữ Văn Tuấn E, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp V, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết từ trước giữ Trần Duy K và Lữ Văn T Em nên vào ngày 09/8/2020, anh Tuấn E liên hệ với K để nhờ giúp vay tiền, K đồng ý. K yêu cầu anh T Em chụp hình xe mô tô Biển kiểm soát 71B3-721.56 cùng Giấy đăng ký xe này gửi

cho K và hẹn anh Tuấn E gặp nhau tại thành phố B vào ngày 11/8/2020. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 11/8/2020, K gặp anh Tuấn E tại Quán cà phê Góc P ở Khu phố D, phường P, thành phố B, Tuấn E giao xe mô tô Biển kiểm soát 71B3-721.56 và bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký xe cho K để K đến Ngân hàng Q (M1) Chi nhánh tỉnh B làm thủ tục thẩm định để vay tiền. Sau khi nhận được xe mô tô Biển kiểm soát 71B3-721.56, K điều khiển xe đến Ngân hàng Q (M1) Chi nhánh tỉnh B và K liên hệ qua điện thoại cho nhân viên Ngân hàng nhưng không được. Lúc này, K nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Tuấn E nên điều khiển xe mô tô của anh Tuấn E chạy về hướng Thành phố Hồ Chí Minh, K đem xe bán cho một Nam thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ đầy đủ với giá 10.000.000 đồng. Hiện Cơ quan điều tra không thu giữ được xe mô tô Biển kiểm soát 71B3-721.56.

Tại Kết định giá tài sản Số 794/KL-HĐĐG ngày 14/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) xe mô tô Biển số 71B3-721.56, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh đen, số khung: RLCUG0610JY697188, số máy: G3D4E725320, trị giá tài sản ngày 11/8/2020 là 31.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Lữ Văn T Em yêu cầu Trần Duy K bồi thường giá trị xe mô tô mà K đã chiếm đoạt của Tuấn E theo kết luận định giá tài sản là 31.500.000 đồng, K đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Quá trình điều tra, Trần Duy K đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị can phù hợp với lời khai của bị hại Lữ Văn Tuấn E và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 76/CT-VKSTPBT ngày 10/10/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính: áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điều 56 để tổng hợp với hình phạt 04 năm tù của bản án số 135/2024/HS-ST ngày 16/7/2024 bị Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh để buộc bị cáo chấp hành chung.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: do không có thu giữ vật chứng nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 31.500.000 đồng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị hại Lữ Văn Tuấn E trình bày: việc bị cáo chiếm đoạt tài sản của anh như cáo trạng nêu là đúng, tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được nên anh yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản theo kết quả định giá là 31.500.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự anh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: vào ngày 11/8/2020 Trần Duy K sau khi được Lữ Văn T Em giao xe mô tô Biển kiểm soát 71B3-721.56 cho K để K làm thủ tục vay tiền cho anh Tuấn E, K đã bỏ trốn để chiếm đoạt xe mô tô này của bị hại Tuấn E trị giá 31.500.000 đồng ở Khu phố D, phường P, thành phố B.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của bị hại và việc bị hại giao tài sản cho bị cáo để chiếm đoạt tài sản của bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt 31.500.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu đã bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng các tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo

được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt 04 năm tù của bản án số 135/2024/HS-ST ngày 16/7/2024 bị Toà án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh nên cần áp dụng Điều 56 để tổng hợp với hình phạt và buộc bị cáo chấp hành chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: do vụ án không có thu giữ vật chứng nên không xem xét giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bị hại có yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được theo giá trị định giá là 31.500.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 31.500.000 đồng.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ bồi thường phần trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Duy K phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Duy K 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 56 để tổng hợp với hình phạt 04 năm tù của bản án số 135/2024/HS-ST ngày 16/7/2024 bị Toà án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh để buộc bị cáo chấp hành chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Trần Duy K bồi thường cho anh Lữ Văn T Em số tiền 31.500.000 (ba mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Duy K nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Trần Duy K nộp án phí dân sự sơ thẩm 1.575.000 (một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Ngãi Đăng, H.MCN (1b);
- Bị cáo, Bị hại (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình